TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 01 – 10 – 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nH dân:

1.Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nH dân thành phố LX.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nH dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 503/2019/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: Số x, đường L, khóm B, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Số x, đường L, khóm B, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019, tại biên bản hòa giải nguyên đơn là bà Trương Thị Ngọc H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thái B tự nguyện tiến đến hôn nH, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005. Tuy nhiên, đến nay, ông bà chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của bà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông bà nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên tự ly thân từ đầu năm 2019. Do hôn nhân không hạnh phúc như mong muốn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông B là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông B có 04 (Bốn) con chung tên Trương Thái B sinh ngày 15/10/2005, Trương Thái V sinh ngày 19/11/2006, Trương Nguyễn D1 sinh ngày 18/02/2011 và Trương D2 sinh ngày 27/6/2012. Bà H đồng ý để ông B được quyền nuôi dưỡng cháu Trương Nguyễn D1 và yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung còn lại, không cần ông B cấp dưỡng.

Về tài sản chung về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại tờ trình ngày 10/8/2019 và biên bản hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn Thái B trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thị Ngọc H tự nguyện tiến đến hôn nhân và không có đăng ký kết hôn như bà H trình bày. Hôn nhân lần thứ 02 của ông. Do cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên ông thống nhất với bà H yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà H có 04 (Bốn) con chung tên Trương Thái B sinh ngày 15/10/2005, Trương Thái V sinh ngày 19/11/2006, Trương Nguyễn D1 sinh ngày 18/02/2011 và Trương D2 sinh ngày 27/6/2012. Do cháu Trương Nguyễn D1 có nguyện vọng được sống với cha nên ông đồng ý nuôi dưỡng cháu D1 và đồng ý để các con còn lại được sống với mẹ theo nguyện vọng.

Về tài sản chung về nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 11/9/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Trương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thái B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nH dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Nguyên đơn là bà Trương Thị Ngọc H và bị đơn là ông Nguyễn Thái B có đơn đề ngày 11/9/2019 về việc yêu cầu vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của bà H cũng như sự thừa nhận của ông B về việc ông bà tự nguyện chung sống như vợ chồng từ đầu năm 2005 đến nay vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn. Do đó, đủ cơ sở xác định, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử không xem xét về mâu thuẫn trong hôn nhân và cũng không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà mà áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà Trương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thái B là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà H và ông B thống nhất có 04 (Bốn) con chung tên Trương Thái B sinh ngày 15/10/2005, Trương Thái V sinh ngày 19/11/2006, Trương Nguyễn D1 sinh ngày 18/02/2011 và Trương D2 sinh ngày 27/6/2012. Xét thấy, các cháu B, Thái V và Trương D2 có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Nguyễn D1 có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử, quyết định công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của nguyên đơn và bị đơn. Cụ thể, bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung tên Trương Thái B, Trương Thái V, Trương D2; ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trương Nguyễn D2.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H và ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] ***Về án phí*:** Bà H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà H đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004976 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Trương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thái B không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà H và ông B có 04 (Bốn) con chung tên Trương Thái B sinh ngày 15/10/2005, Trương Thái V sinh ngày 19/11/2006, Trương Nguyễn D1 sinh ngày 18/02/2011 và Trương D2 sinh ngày 27/6/2012.

Bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung tên Trương Thái B, Trương Thái V, Trương D2. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trương Nguyễn D1. Ông B không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà H, ông B cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà H đã nộp 300.000 đ (Ba trăm

nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004976 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H và ông B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:
THẨM TÒA
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS TPLX;*
- *Lưu: hồ sơ, VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN